

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2020/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 21 tháng 01 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số : 196/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm BT, xã VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Nguyễn văn Q** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm BT, xã VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm BT, xã VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

Ông Nguyễn văn Q – sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm BT, xã VQ, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Q.

- **Về việc nuôi con chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Mỹ N (sinh ngày 02/01/2012; Giới tính: Nữ) và Nguyễn Khôi Ng (sinh ngày 11/4/2014; Giới tính: Nam).

Sau khi ly hôn, các bên đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng hai con chung, mỗi con chung là 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2020.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về việc chia tài sản chung:** Các bên đương sự xác nhận có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Q mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Ngoài ra ông Q còn phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà M tự nguyện nộp thay số tiền án phí cho ông Q. Tổng số tiền án phí bà M phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000611 ngày 24/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND xã V Q, TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quỳnh Mai